TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-12-2021.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 7, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 7, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh T tự tìm hiểu trong thời gian 03 năm 2015 đến năm 2018 thì kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai ngày 19/12/2018. Quá trình chung sống, chị và anh T sinh sống tại nhà riêng của chị tại tổ 10, ấp 7, xã BS. Trong thời gian đầu, chị và anh T chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên không tôn trọng nhau, chị và anh T đã trao đổi giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Anh T bỏ về nhà ba mẹ ruột tại tổ 10, ấp 7, xã BS sinh sống và ly thân với chị được khoảng 01 năm nay. Nay chị yêu cầu ly hôn anh Phạm Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 10/10/2019.

Hiện nay, cháu T đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo về quyền, lợi ích và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn anh Phạm Minh T, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 10/10/2019 hiện đang do chị T nuôi dưỡng, chị T cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T. Xét cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang do chị T nuôi dưỡng, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn nên đề nghị xử giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Minh T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 119/2018 ngày 19/12/2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên không tôn trọng nhau, chị và anh T đã trao đổi giải quyết mâu thuẫn nhưng không được, đã ly thân khoảng 01 năm nên chị T yêu cầu ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị T và anh T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến nhằm hòa giải cho anh chị đoàn

tụ nhưng anh T không có mặt, không cung cấp lời khai cho Tòa án chứng tỏ anh T bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh T, xử cho chị T ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 10/10/2019.

Xét thấy, cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ và chị T cũng là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập án T đến để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu nuôi con nhưng anh T không có mặt, không cung cấp ý kiến chứng tỏ anh T không có trách nhiệm, không có thiết tha trong việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu T cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với việc cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Minh T, do đó chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn anh Phạm Minh T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Phạm Minh T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Minh T có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 10/10/2019.

Xử giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 10/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T và anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005392 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Minh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã BS;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngẫu **Lý Thị Bạch Tuyết** **Đào Minh Hoàng**